TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh L, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2025/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025;

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn D, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã N, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quang D1, sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT: TDP F, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã N, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang XKLĐ tại Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Quang D1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 18 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh D1. Đến năm 2019, anh D1 đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, sau khi anh D1 đi nước ngoài, vợ chồng bắt đầu

nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến cuối 2019, chị D cũng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Vợ chồng gần như không còn tình cảm, không hạnh phúc, kết hôn 09 năm nhưng chỉ sống chung được khoảng 3 năm và sống ly thân đến nay. Do đó, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Quang D1.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 19/9/2016. Nguyện vọng của chị D là đề nghị Tòa án giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh Lê Quang D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang D1 do đang xuất khẩu lao động ở H, chị D đã lâu không liên lạc nên không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh D1. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh D1 nhưng chính quyền địa phương cũng như gia đình anh D1 đều không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh D1. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện thủ tục đăng tin trên Đ1 theo quy định để thông báo cho anh D1 biết các thông tin vụ án cũng như thời gian làm việc. Tuy nhiên, đến nay, anh D1 vẫn không có mặt để làm việc trình bày quan điểm tại Tòa án.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, yêu cầu trình bày quan điểm về nội dung khởi kiện của nguyên đơn; thông báo trên V về việc chị D nộp đơn khởi kiện gửi tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án nhưng không thực hiện

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể:

- Về tình cảm: chị **Nguyễn Thị D** được ly hôn anh **Lê Quang D1**.

- Về con chung: Giao con chung **Lê Nguyễn Linh Đ**, sinh ngày 19/9/2016 cho chị **Nguyễn Thị D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Lê Quang D1** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi, được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh **Lê Quang D1** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh Lê Quang D1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP F, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã N, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Lê Quang D1 đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc theo xác nhận tại Công văn số 444/ QLXNC-Đ1 ngày 18/4/2025 của Phòng Q Công an tỉnh H nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị D yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử. Đối với anh Lê Quang D1, chị D đã cung cấp đúng đầy đủ nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh D1; Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh D1 nhưng gia đình anh D1 cũng như chính quyền địa phương không cung cấp được địa chỉ; HĐXX xác định đây thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Lê Quang D1 theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Quang D1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D khẳng định: Tình cảm vợ chồng anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm, đến cuối năm 2019, chị D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, vợ chồng gần như không còn liên hệ với nhau nữa, sống ly thân đến nay. Xét thấy, vợ chồng chị D, anh D1 đã không còn sống chung với nhau, ly thân từ năm 2019 đến nay nên

việc duy trì hôn nhân giữa chị D, anh D1 là không có ý nghĩa, do vậy, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị D và anh Lê Quang D1 được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét ý chí, nguyện vọng được quyền nuôi con chung của chị Nguyễn Thị D là chính đáng; nguyện vọng của cháu Đ cũng đề xuất được ở với mẹ. Hơn nữa, từ bé đến nay, cháu Đ sinh sống với chị D, được ăn học phát triển đầy đủ. Do đó, để đảm bảo điều kiện ăn học, nuôi dưỡng ổn định và không làm xáo trộn tâm sinh lý của cháu, HĐXX xét thấy cần thiết giao cháu Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngay 19/9/2016 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc anh Lê Quang D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Quang D1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị D** được ly hôn anh **Lê Quang D1**

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 19/9/2016 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc anh Lê Quang D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tính trừ cho chị D trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000003265995, ngày 14/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Lê Quang D1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghi Xuân;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Ngân